

Bản án số: 22/2022/DS-ST
Ngày: 29 - 4 - 2022
“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ngoan.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Chung
2. Bà Đoàn Thị Kim Quyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Mạch Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại Phòng xét xử - Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 126/2021/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV). Địa chỉ: Tháp BIDV, 194, Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức Tú, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Công Đáng, sinh năm: 1993, chức vụ: Chuyên viên Quản lý Khách hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang. (có mặt)

(Văn bản uỷ quyền ngày 720s/GUQQ-BIDV.HG ngày 26/10/2021).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1960 (có mặt).

Bà Lê Thị D, sinh năm: 1961 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 11, thị trấn Vĩnh Viễn, huyện LM, tỉnh HG.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1958 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 11, thị trấn Vĩnh Viễn, huyện LM, tỉnh HG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Trần Công Đáng là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam (gọi tắt Ngân hàng) trình bày:

Năm 2013 Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam (gọi tắt là Ngân hàng) có ký kết với vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị D (gọi tắt là vợ chồng ông N) hợp đồng tín dụng số NA.0023.13/HĐTD ngày 02/7/2013 và 01 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số NA.0023.13/HĐTC ngày 02/7/2013 để đảm bảo toàn bộ khoản vay của hợp đồng tín dụng. Theo nội dung hợp đồng tín dụng, Ngân hàng cho ông N, bà D vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích vay là nuôi cá lóc, thời hạn vay là 12 tháng từ ngày 05/7/2013 đến ngày 05/7/2014, lãi suất cho vay là 13%/năm (được điều chỉnh 03 tháng/lần theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Lãi suất quá hạn bằng 120% lãi suất trong hạn, thời hạn trả nợ gốc 01 lần vào ngày 05/7/2014, trả lãi 01 lần vào ngày 25 hàng tháng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông N đã trả từng đợt cho Ngân hàng được số tiền vốn gốc là 89.000.000 đồng, và đóng lãi còn lại 61.000.000 đồng, đến kỳ trả nợ vào ngày 02/7/2014 vợ chồng ông N không trả được tất nợ nên khoản vay của vợ chồng ông N bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 02/7/2014. Ngân hàng nhiều lần đôn đốc vợ chồng ông N trả nợ nhưng vợ chồng ông N vẫn không thực hiện nên nay Ngân hàng có yêu cầu như sau:

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị D trả tổng số tiền dư nợ tính đến ngày 28/4/2022 là 181.440.087 đồng (trong đó vốn gốc là 61.000.000 đồng và lãi trong hạn là 96.629.716 đồng, lãi quá hạn là 23.810.831 đồng), Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi vợ chồng ông N thanh toán hết số tiền nợ.

Trong trường vợ chồng ông N không thanh toán nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp quyền sử dụng đất của vợ chồng ông N theo hợp đồng thế chấp số NA.0023.13.HĐTC ngày 02/7/2013 mà vợ chồng ông N đã ký kết. Đồng thời vợ chồng ông N phải thanh toán toàn bộ chi phí khởi kiện phát sinh nếu có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N (gọi tắt là ông N) trình bày:

Ông N thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng để vay số tiền 150.000.000 đồng và ký kết hợp đồng thế chấp phần đất có diện tích 12.932m² để đảm bảo số tiền vay. Trong quá trình vay vợ chồng ông N đã trả được số tiền gốc là 89.000.000 đồng, do điều kiện kinh tế gặp nhiều khó khăn nên không có khả năng thanh toán số tiền còn lại cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông N trả nợ thì ông cũng đồng ý, nhưng ông yêu cầu được trả dần cho đến khi hết nợ.

Bị đơn bà Lê Thị D (gọi tắt là bà D) trình bày:

Bà D là vợ ông N thống nhất với lời trình bày của ông N và không có ý kiến gì thêm. Nay bà đồng ý trả dần cho Ngân hàng cho đến khi hết nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T (gọi tắt là ông T) trình bày:

Vào năm 2014 ông T có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông N phần đất có diện tích 02 công tấc 03m, với giá là 120.000.000 đồng, hai bên có làm giấy tay nhưng hiện nay đã bị thất lạc. Ông T sang đất sau khi ông N vay tiền Ngân hàng nên hai bên vẫn chưa làm thủ tục sang tên được. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông N trả nợ và phát mãi tài sản trong đó có phần đất ông chuyển nhượng, nhưng ông T chưa có yêu cầu trong vụ án này, sau này xét thấy cần thiết ông T sẽ khởi kiện sau.

Tại phiên tòa, ông Đáng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông N phải trả số tiền vay còn nợ vốn và lãi tạm tính đến ngày xét xử 28/4/2022 tổng cộng là 181.440.087 đồng, Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi vợ chồng ông N trả hết nợ, trong trường hợp vợ chồng ông N không trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, ông N đồng ý trả số tiền còn nợ theo yêu cầu của Ngân hàng, nhưng xin trả dần.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam đối với bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị D. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc còn nợ là 61.000.000 đồng và lãi trong hạn và quá hạn tạm tính đến ngày 28/4/2022 là 120.440.087 đồng. Về án phí ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị D được miễn theo quy định, về chi phí tố tụng khác buộc ông N, bà D phải chịu

theo quy định. Trong trường hợp ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị D không thanh toán nợ, Ngân hàng được quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị D và ông Nguyễn Văn T, do ông Nguyễn Văn T không yêu cầu nên không xem xét. Đề nghị hội đồng xét xử giành quyền khởi kiện cho ông T đối với ông N, bà D khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá và nhận định về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị D có nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ theo hợp đồng tín dụng số NA.0023.13/HĐTD ngày 02/7/2013 là 181.440.087 đồng. Đối chiếu với quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng thì đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được Bộ luật dân sự và Luật các Tổ chức tín dụng điều chỉnh. Bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị D có địa chỉ cư trú tại ấp 11, thị trấn Vĩnh Viễn, huyện LM, tỉnh HG nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và Lê Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam, hội đồng xét xử xét thấy rằng:

Theo hợp đồng tín dụng số NA.0023.13/HĐTD ngày 02/7/2013 thì ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị D có thỏa thuận vay của Ngân hàng số tiền vốn gốc là 150.000.000 đồng thời hạn vay là 12 tháng từ ngày 02/7/2013 đến ngày 02/7/2014, theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện Ngân hàng đã giải ngân số tiền 150.000.000 đồng cho vợ chồng ông N, trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông N bà D đã trả từng lần cho Ngân hàng được số tiền vốn gốc là 89.000.000 đồng, số tiền vốn gốc còn lại là 61.000.000 đồng và lãi từ ngày

05/7/2014 đến nay chưa trả. Vợ chồng ông N, bà D đã thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng và cũng đồng ý trả số tiền vốn và lãi còn nợ nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin được trả dần.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng NA.0023.13/HĐTD ngày 02/7/2013 và các tài liệu chứng cứ do Ngân hàng cung cấp thể hiện sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và pháp luật khác có liên quan. Vợ chồng ông N đã vay tiền của Ngân hàng thì phải có nghĩa vụ trả tiền vay cho Ngân hàng, việc vợ chồng ông N chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng là làm thiệt thòi quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, vợ chồng ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết nên Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông N có nghĩa vụ phải trả vốn và lãi theo hợp đồng đã thỏa thuận là phù hợp với quy định nên được chấp nhận.

Căn cứ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và bản kê tính lãi của Ngân hàng có cơ sở xác định số tiền nợ mà Ngân hàng khởi kiện là phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 463 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[2.2]. Xét tính hợp pháp của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số NA.0023.13/HĐTC ngày 02/7/2013 thấy rằng:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa Ngân hàng và vợ chồng ông N được đăng ký và thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án các bên cam kết thế chấp toàn bộ hiện trạng quyền sử dụng đất mà vợ chồng ông N đã thế chấp cho Ngân hàng không thay đổi gì so với thời điểm thực hiện thủ tục đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho toàn bộ dư nợ theo hợp đồng tín dụng số NA.0023.13/HĐTC ngày 02/7/2013. Do đó, Hợp đồng thế chấp trên do chủ thể luật định ký kết xác lập, tài sản thế chấp đúng chủ sở hữu, có giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu hợp pháp, tại thời điểm ký kết đăng ký giao dịch bảo đảm các chủ thể có đầy đủ năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định pháp luật, thể hiện ý chí tự nguyện của chủ sở hữu tài sản và có đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền nên hợp đồng thế chấp tài sản trên là phù hợp theo quy định tại Điều 292, Điều 295 và Điều 298 của Bộ luật dân sự 2015. Do đó, trong trường hợp vợ chồng ông N không thanh toán hết số tiền nợ vay thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo quy định tại Điều 303 của Bộ luật dân sự 2015.

[2.3]. Đối với ông Nguyễn Văn T và vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị D có thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong tổng diện tích đã thế chấp cho Ngân hàng, trong quá trình giải quyết vụ án, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, ông T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết khi có phát sinh yêu cầu.

[2.4]. Từ những phân tích trên xét việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị D có nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ vốn và lãi tạm tính đến ngày 28/4/2022 là 181.400.087 đồng và đề nghị của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở nên được hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[3]. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

[3.1]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị D thuộc trường hợp được miễn giảm án phí theo quy định. Ngân hàng được nhận lại số tiền 5.136.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

[3.2]. Chi phí tố tụng khác: Căn cứ vào Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị D phải nộp số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) trả lại cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 92, Điều 227, Điều 228, Điều 157, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 468, Điều 292, Điều 295, Điều 298 và Điều 303 Bộ luật dân sự 2015;

Điều 91 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị D.

2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị D có nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam là 181.440.087 đồng (một trăm tám mươi một triệu bốn trăm bốn mươi ngàn không trăm tám mươi bảy đồng). Trong đó số tiền gốc là 61.000.000 đồng (sáu mươi một triệu) và lãi là 120. 440.087 đồng (một trăm hai triệu bốn trăm bốn mươi ngàn không trăm tám mươi bảy đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam được tiếp tục tính lãi trên số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị D trả hết nợ.

3. Trong trường hợp bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị D không thanh toán hoặc thanh toán không hết nợ, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam có quyền yêu cầu xử lý tài sản mà bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị D đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số NA.0023.13/HĐTC ngày 02/7/2013 đối với quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Văn N đứng tên quyền sử dụng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị D được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam được nhận lại số tiền 5.136.000 đồng (năm triệu một trăm ba mươi sáu ngàn đồng) theo lai thu số 0006132 phiếu lập ngày 22/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

4.2. Chi phí tố tụng khác: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị D phải nộp số tiền là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H. Long Mỹ;
- THADS H. Long Mỹ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Ngoan